

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 253/TTr-STC ngày 17 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà xây dựng mới và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo điểm b khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có tài sản là nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP (trừ các trường hợp thuộc đối tượng miễn lệ phí trước bạ quy định tại Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP).

2. Cơ quan thuế.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng

1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk (cũ): được xác định theo quy định tại Bảng đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc được quy định tại Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Phú Yên (trước đây): được xác định theo quy định tại Bảng đơn giá nhà và công trình xây dựng gắn liền trên đất được quy định tại Quyết định số



66/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định bộ đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ

1. kê khai lệ phí trước bạ lần đầu

a) Đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 5 năm: 100%.

b) Đối với nhà chịu lệ phí trước bạ có thời gian đã sử dụng từ 5 năm trở lên thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại tương ứng với kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi quy định tại khoản 2 Điều này.

2. kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian đã sử dụng tương ứng theo hướng dẫn như sau:

Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)
- Dưới 5 năm	97	98	97	95	85
- Từ 5 đến 10 năm	93	95	93	85	65
- Trên 10 năm đến 20 năm	80	85	80	70	35
- Trên 20 năm đến 50 năm	60	80	60	35	30
- Trên 50 năm đến 100 năm	50	55	50	30	20
- Trên 100 năm	30	35	30	20	0

3. Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì tính thời gian theo năm mua nhà hoặc nhận nhà, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành ở tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng có ý kiến hướng dẫn chuyên môn về xây dựng khi được Cơ quan thuế của địa phương lấy ý kiến về xác định cấp nhà, hạng nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà.

3. Cơ quan thuế của địa phương hướng dẫn kê khai, xác định và thu lệ phí trước bạ theo quy định của nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các cơ

quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi nội dung về Sở Tài chính tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.
2. Bãi bỏ các Quyết định sau:
 - a) Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định tỷ lệ % chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
 - b) Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
3. Những trường hợp đã nộp hồ sơ lệ phí trước bạ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành thông báo thì áp dụng theo quy định tại Quyết định này.
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng Thuế tỉnh Đắk Lắk, Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 4 Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk (đăng công báo);
- Lưu: VT, ĐTKT (cn 02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Công Thái